

Heavy

OXYSAFE PB

Giày an toàn nh ẹ nhất **trên** th ị t g

Giày OXYSAFE khả năng đ đ i đa **s** **h** và **(ESD)** k ạ t iế n , mũi giày composite và khả năng khử trùng dễ dàng, nhữ n g đôi giày này hoàn hảo cho cả m ẩ ướt và khô ráo.

Những vật liệu cao cấp hơn	EVA mở rộng
lót bên trong	SAU ĐÓ
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	SAU ĐÓ
ngoài Đ	EVA mở rộng
u Đứng đầ ống hợp	t
i Loạ	PB / SR, A, E, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35/36-45/46 / UK 3.0/3.5-10.5/11.0 / US 5.5/6.0-11.5/12.0 JPN 21.5/22.5-29/30 / KOR 230/235-295/300
ng lượng thép	0.281 kg
ẩn hóa u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20346:2022

CO_2 4.30 kg



BLK



NAV



WHT



Mũi giày an toàn composite
Không nhiễm từ và nhiệt hoặc dẫn điện



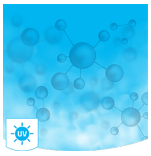
Dung dịch chống thấm hợp vệ **sinh**
Giày này được làm bằng vật liệu không thấm nước, khăng khít nhẹ các ứng dụng trong môi làm ạch hoặc hướng dẫn bệnh nhân đi tắm.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn ngừa bắt lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Những đôi giày này có thể được g



Khử **trùng** bằng **hóa** chất **& tia** cực **tím**
Giày này có thể được khử trùng bằng hóa chất và tia cực tím.

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố n g, Hoá h ọ c , Xây dự n g, thuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
rư ờn g môi khô, môi ẩ m ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩ cáp hà nhiệ Không trên lò s

K

Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20346**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **EVA** m ở r ộ n g **cao** cấp h ơn		
Top: khả năng ấm ớ h ơ	? 0.8	N/A ờ mg/cm/g
Top: h nụ sớ h ơ	? 15	N/A mg/cm2
ót bên trong **SAU ĐÓ**		
L ớp lót: ấm ớ h ơ	? 2	N/A ờ mg/cm/g
lót: h nụ sớ h ơ	? 20	N/A mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ** làm t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)		
ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ **EVA** m ở r ộ n g		
Ch ố n g trơ t bề mặ mài mòn ế ngoài (	? 150	232.4(Density: 0.29) mm
Chư ố trơ t gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớ t gót v ề phía t	? 0.31	0.39 ma sát
rư ớ t gót bản - G ố m + NaLS - Trư ớ t lùi v ề phía t	? 0.36	0.38 ma sát
rư ớ t SR - G ố m + Glycerin - Trư ớ t gót phía t	? 0.19	0.22 ma sát
Chư ố trơ t SR g G ố m + Glycerin - Trư ớ t gót phía t	? 0.22	0.23 ma sát
ị ch ố t Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	N/A megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	43 megaohm
Hấp thụ năng l ợ gót chân củ	? 20	34.0 J
Đ ở n g đầ tợ p		
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	? 13	16.5 mm
Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	? 13	20.5 mm
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	N/A	N/A mm
Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	N/A	N/A mm

kích thước thép: 38

a chúng tôi. Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g q
i **CO** phát thả	
V ật l iệu	2.05 kg
Bao bì	0.10 kg
ất Sản x u	1.90 kg
Chuyên ch ở	0.26 kg
	4.30 kg CO2/ cặp

Sự **miêu** t ả	ế t K q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế	
Product	9%
Bao bì	100%

Tính toán CO2:
Các giá tr ròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com